HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2011/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 12 tháng 12 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng nghề, trung cấp nghề công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ; Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4240/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng nghề, trung cấp nghề thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí áp dụng cho năm 2011 - 2012 đến năm 2014 - 2015 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng nghề trung cấp nghề thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý như sau:

1. Mức thu học phí đối với đào tạo trình độ đại học tại các trường công lập theo các nhóm nghành đào tạo chương trình đại trà:

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/sinh viên

Nhóm ngành	Năm học 2011 - 2012	Năm học 2012 - 2013	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luận, nông, lâm, thủy sản	355	420	485	550
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	395	480	565	650
3. Y dược	455	570	685	800

2. Mức thu học phí đối với trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ:

Số TT	Trình độ đào tạo	Hệ số so với đại học
1	Trung cấp: - Kinh tế, Y dược	0,7
	- Nhóm ngành khác	0,5
2	Cao đẳng	0,8
3	Đại học	1
4	Đào tạo thạc sĩ	1,5
5	Đào tạo tiến sĩ	2,5

3. Mức thu học phí đối với trung cấp nghề, cao đẳng nghề công lập:

a) Áp dụng mức thu bằng 100% mức quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ đối với 02 mã nghề đào tạo: Sức khỏe và dịch vụ vận tải (số thứ tự 7; 15).

b) Áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ đối với 13 mã nghề đào tạo còn lại.

c) Mức thu học phí đối với trung cấp nghề, cao đẳng nghề công lập theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3 điều này được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Tên mã nghề	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	TCN	CĐN	TCN	CĐN	TCN	CĐN	TCN	CĐN
1. Báo chí và thông tin; pháp luật	105	115	115	125	120	130	125	140
2. Toán và thống kê	110	120	120	130	125	135	135	145
3. Nhân văn: Khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	115	125	125	135	130	145	140	150
4. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	135	155	140	165	150	175	155	180
5. Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân	150	160	155	170	165	180	175	190
6. Nghệ thuật	165	180	175	195	185	205	200	215
7. Sức khỏe	340	370	360	390	380	420	400	440
8. Thú y	180	200	195	210	205	220	215	235
9. Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	185	205	195	215	210	230	220	240
10. An ninh, quốc phòng	200	220	215	230	225	245	240	260
11. Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	215	235	225	250	240	265	255	280
12. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; môi trường và bảo vệ môi trường	220	240	230	255	245	270	260	285
13. Khoa học tự nhiên	225	245	240	260	250	275	265	290
14. Khác	230	250	245	270	260	285	275	300
15. Dịch vụ vận tải	510	560	540	600	570	630	600	670

Điều 2: Bãi bỏ Điểm 3, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 91/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định tạm thời mức thu học phí ở các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề công lập; mức thu học phí ở các trường, lớp mầm non bán công, trung học phổ thông bán công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Các mức thu học phí các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cao đẳng nghề, trung cấp nghề trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và được áp dụng cho năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh